

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST

Ngày 09-4-2024

Về việc ly hôn, tranh chấp về
nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Ngọc Thắng;
2. Ông Trần Hải Đăng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Duy Tùng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 09/4/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2023/TLST-HNGĐ ngày 03/11/2023 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST- HNGĐ, ngày 23/02/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14/3/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Triệu Thị X**, sinh năm 1980 - (Có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: **Bản N, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.**

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Ngọc D**, sinh năm 1980 - (Vắng mặt)

Nơi cư trú: **Bản N, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.**

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, ý kiến ghi trong biên bản hòa giải chị **Triệu Thị X** trình bày:

Trước khi kết hôn, chị **X**, anh **D** có tự do tìm hiểu. Ngày 08/9/2000 chị **X**, anh **D** tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại **UBND xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.** Sau đó, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại **bản N, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.** Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2020, anh **D** thường xuyên uống rượu say dẫn đến cuộc sống hôn nhân xảy ra xung đột, mâu thuẫn, anh **D** không chịu làm ăn; Anh **D** thường xuyên say rượu còn dẫn đến mâu thuẫn về cả kinh tế gia đình và ảnh hưởng đến tâm lý, việc học của con. Càng ngày mâu thuẫn vợ

chồng càng trở lên trầm trọng. Nay chị **X** xác định tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn yêu cầu tòa án cho chị ly hôn anh **Nguyễn Ngọc D**.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là cháu **Nguyễn Thị N**, sinh năm 2001 và cháu **Nguyễn Hiếu L**, sinh ngày 20/3/2015. Cháu **N** hiện khỏe mạnh, phát triển bình thường và đã trưởng thành; Cháu **L** hiện khỏe mạnh, phát triển bình thường, đang đi học và ở cùng chị. Sau khi ly hôn, chị **X** có nguyện vọng nuôi cháu **L** và không yêu cầu anh **D** cấp dưỡng nuôi con chung: Đối với cháu **N** chị **X** không yêu cầu Tòa án giải quyết nuôi cháu vì cháu đã trưởng thành.

Về tài sản chung, công nợ chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

* Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh **Nguyễn Ngọc D** không có văn bản ghi nhận ý kiến trong hồ sơ vụ án.

* Tại biên bản xác minh ngày 07/01/2024 chính quyền địa phương **xã C** cung cấp như sau: Chị **X**, anh **D** sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện đăng ký kết hôn tại **UBND xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang** ngày 08/9/2000. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại bản Nà Táng, **xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang**. Giữa chị **X**, anh **D** nảy sinh nhiều mâu thuẫn do anh **D** hay uống rượu dẫn đến say, không chăm lo cho gia đình, không chịu làm ăn, thường xuyên đi xa một thời gian rồi lại về. Đến năm 2020, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị **X** đi làm công ty tới tối mới về còn anh **D** đi làm ở đâu không rõ về qua nhà vài hôm xong lại đi, vợ chồng thường xuyên đánh, mắng chửi nhau. Vợ chồng có 2 con chung là cháu **Nguyễn Thị N**, sinh năm 2001 và cháu **Nguyễn Hiếu L**, sinh ngày 20/3/2015. Hiện cháu **N** đã trưởng thành còn cháu **L** đang sống cùng mẹ ở **xã C**. Tại địa phương, anh chị không đứng tên bất động sản gì, không có tài sản gì có giá trị.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/01/2024 đối với cháu **Nguyễn Hiếu L** cho biết như sau: Cháu **L** là con bố **Nguyễn Ngọc D**, mẹ **Triệu Thị X**. Hiện nay cháu học lớp 3D, **Trường tiểu học xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang**. Hiện cháu **L** đang ở cùng bố mẹ. Trong cuộc sống hàng ngày bố mẹ có cãi nhau và anh **D** có đánh chị **X**. Nay bố, mẹ cháu **L** ly hôn cháu muốn bố, mẹ về ở với nhau. Nếu không được thì cháu **L** có nguyện vọng được ở với mẹ là chị **Triệu Thị X**.

* Tại bản sao kê tài khoản của chị **Triệu Thị X** ở **ngân hàng V** ngày 21/02/2024 xác định lương của chị **X**: tháng 10/2023 là 10.144.200 đồng, lương tháng 11/2023 là 8.196.385 đồng, lương tháng 12/2023 là 9.588.618 đồng.

* *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ áp dụng khoản 1 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 BLTTDS; khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị **Triệu Thị X** được ly hôn anh **Nguyễn Ngọc D**.

- Về con chung: Giao cho chị **Triệu Thị X** được nuôi dưỡng cháu **Nguyễn Hiếu L**, sinh ngày 20/3/2015.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **X** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị **X** được miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị **X** xin ly hôn, yêu cầu giải quyết việc nuôi con với anh **D**; Anh **D** có địa chỉ cư trú tại **huyện Y** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh **D** nhưng anh **D** vắng mặt lần thứ hai không có lí do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh **D**.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **X**, anh **D** có đăng ký kết hôn ngày 08/9/2000 tại **UBND xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang**. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình. Qua lời khai của chị **X**, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương có căn cứ khẳng định: Vợ chồng chị **X**, anh **D** chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh **D** hay uống rượu dẫn đến say, không chăm lo cho gia đình, không chịu làm ăn, thường xuyên đi xa một thời gian rồi lại về. Đến năm 2020, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị **X** đi làm công ty tới tối mới về còn anh **D** đi làm ở đâu không rõ về qua nhà vài hôm xong lại đi, vợ chồng thường xuyên đánh, mắng chửi nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị **X** xin ly hôn anh **D** là

có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về việc nuôi con: Vợ chồng có 2 con chung là cháu Nguyễn Thị N, sinh năm 2001 và cháu Nguyễn Hiếu L, sinh ngày 20/3/2015. Hiện cháu N đã trưởng thành còn cháu L đang sống cùng bố mẹ ở xã C. Khi ly hôn, chị X có nguyện vọng nuôi cháu L, không yêu cầu giải quyết nuôi cháu N và không yêu cầu anh D cấp dưỡng. Theo biên bản xác minh tại UBND xã C, anh D không chăm lo cho gia đình, thường xuyên say rượu, chỉ ở nhà mấy ngày rồi lại đi. Do vậy, để không ảnh hưởng đến quá trình sinh sống, học tập và phát triển của cháu L, cần chấp nhận đề nghị của chị X là giao cháu cho chị X nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị X không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản, công nợ, nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Chị X là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên miễn án phí cho chị Triệu Thị X.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị X: Xử cho chị Triệu Thị X được ly hôn anh Nguyễn Ngọc D.

3. Về việc nuôi con: Giao cho chị Triệu Thị X được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Hiếu L, sinh ngày 20/3/2015. Vấn đề cấp dưỡng không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở họ thực hiện quyền này.

4. Về tài sản, công nợ, nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về tiền án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Triệu Thị X.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên

tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- VKSND tỉnh Bắc giang;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- UBND xã Canh Nậu, huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án tối cao;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hồng Thảo